

Số: 2787567

|                                                | New Mazda CX-8 2.5 Premium                     | Sorento Hybrid Premium       |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>1.019.000.000đ</b>                          | <b>1.149.000.000đ</b>        |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                                                |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4900 x 1840 x 1730                             | 4810 x 1900 x 1700           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2930                                           | 2815                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5800                                           | 5780                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 200                                            | 176                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1770                                           | 1950                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2365                                           | 2580                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 209                                            | 357                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 72                                             | 67                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 7                                              | 7                            |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước                               | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                                                |                              |
| Loại động cơ                                   | SkyActiv-G 2.5L                                | SmartStream 1.6 Turbo Hybrid |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                                           | 1598                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                                     | 227 Hp                       |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                                     | 350 Nm                       |
| Hộp số                                         | 6AT                                            | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)                                | Cầu trước FWD                |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson                             | McPherson                    |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm                               | Liên kết đa điểm             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                                            | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                                            | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                                | 225/55 R19                                     | 235/55 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 12.91                                          | 5.9 L/100 km                 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 6.73                                           | 5.9 L/100km                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 8.75                                           | 5.8 L/100km                  |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                                              |                              |
| Chế độ lái                                     | Normal / Sport                                 | Eco/Sport/Smart              |
| Trang bị khác                                  | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao (GVC Plus) |                              |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                                                |                              |
| Cụm đèn trước                                  | LED Projector                                  | LED Projector                |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                                              |                              |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH                   | ●                            |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                                              |                              |
| Đèn trước mở rộng góc chiếu                    | Mở rộng góc chiếu theo hướng đánh lái AFS      |                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                                              | ●                            |
| Cụm đèn sau                                    | LED                                            | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ● (Sấy gương)                                  | ●                            |
| Gạt mưa tự động                                | ●                                              | ●                            |
| Cửa sổ trời                                    | ●                                              | ●                            |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                                                |                              |

|                                                 |                                             |                           |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------|
| Vô lăng bọc da                                  | ●                                           | ●                         |
| Chất liệu ghế                                   | Da Nappa Nâu Đỏ                             | Da                        |
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                                           | ●                         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●                                           |                           |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●                                           |                           |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi                | ● (Vô lăng + Hàng ghế 2)                    |                           |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                                           | ●                         |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital 7"                         | 12.3"                     |
| Màn hình HUD                                    | ●                                           |                           |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 8"                                          | 10.25"                    |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ● (Không dây)                               | ●                         |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                                           | ●                         |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 3                                           | 2                         |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                                           | ●                         |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                                           | ●                         |
| Khởi động nút bấm                               | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống âm thanh                               | 10 loa Bose                                 | 6 loa                     |
| Sạc không dây Qi                                | ●                                           | ●                         |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                                           | ●                         |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                                           | ●                         |
| Rèm che nắng                                    | Chỉnh tay                                   | ●                         |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                                           | -                         |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                                             |                           |
| Số túi khí                                      | 6                                           | 6                         |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                                           |                           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                                           |                           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                                           |                           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                                           | ●                         |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                                           | ●                         |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước/Sau                                   | Trước & Sau               |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                                           | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                                           | ● ( hỗ trợ tránh va chạm) |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                                           | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ● (Trước và sau)                            | ●                         |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ● (MRCC - Stop & Go)                        | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp                   | ●                                           | ●                         |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360)                              | Camera 360                |
| Khác                                            | Hỗ trợ lái trên đường cao tốc và kẹt xe CTS |                           |